TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-PT
Ngày 30-8-2024
V/v "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Anh Ửng

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản",* do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 08/3/2023, ông T và anh T1 đốt dọn rẫy dẫn đến lửa cháy táp sang rẫy của gia đình ông làm chết một số cây trồng, cụ thể: có 17 cây cà phê, 07 trụ tiêu, 01 cây sầu riêng, 01 cây mít; 01 cây điều và 23 cây trồng bị ảnh hưởng (táp lá). Ngày 09/3/2023, Công an xã N lập đã biên bản xác minh và ghi nhận đúng số lượng cây trồng bị thiệt hại; quá trình giải quyết hai bên không thỏa thuận được mức bồi thường nên ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải bồi thường thiệt hại cho ông đối với các cây trồng bị chết với giá trị là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút yêu cầu khởi kiện đối với 5.000.000 đồng và yêu cầu ông T và anh T1 phải bồi thường 5.000.000 đồng. Các cây trồng bị chết hiện nay ông C đã trồng 27 cây mới. Bị đơn cho rằng các cây bị chết theo biên bản xác minh của Công an xã N hiện nay vẫn còn sống là không đúng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Bị đơn và nguyên đơn có rẫy liền kề với nhau. Rẫy bị đơn hiện nay đã cho con trai là anh Nguyễn Văn T2, hàng năm nguyên đơn bỏ phân chuồng cho rẫy thì ném rác như bao bì, chất thải, chai, sành, gạch đá sang rẫy nhà bị đơn. Vì vậy, đầu năm 2023 bị đơn gom rác, chất thải lại để đốt dọn thì lửa bùng cháy lớn và gió mạnh nên lửa táp sang vườn nhà nguyên đơn làm một số cây trồng bị chết và táp lá, số lượng cây trồng cụ thể bị đơn không biết. Theo biên bản xác minh ngày 09/3/2023 của Công an xã N có sự tham gia của nguyên đơn và anh Nguyễn Xuân T1 xác định: Có 17 cây cà phê bị chết (độ tuổi từ 3-4 năm), 07 trụ tiêu bị chết (độ tuổi từ 3-4 năm); 01 cây sầu riêng bị chết (độ tuổi 02 năm); 01 cây mít bị chết (độ tuổi từ 3-4 năm); 01 cây điều bị chết (độ tuổi từ 4-5 năm); 23 cây trồng bị ảnh hưởng (táp lá) không ảnh hưởng đến sức phát triển của cây. Sau khi xảy ra sự việc con trai anh T1 đã qua trao đổi với vợ chồng nguyên đơn để tìm cách khắc phục, hỗ trợ nhưng không hợp tác. Quá trình làm việc tại C1 yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng nhưng bị đơn không đồng ý. Bị đơn đồng ý hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đề nghị Tòa án phải giám định số cây bị thiệt hại và giám định các cây đó là loại cây A, B hay C và giá trị của từng loại là bao nhiêu theo biên bản của Công an xã N ngày 09/3/2023, nếu hợp lý thì bị đơn bồi thường.

3. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Bà Nguyễn Thị D: Bà D cùng ý kiến và yêu cầu như ông C, bà không có ý kiến hay yêu cầu khác.

3.2. Anh Nguyễn Xuân T1: Anh T1 thống nhất với ý kiến của ông T. Đối với biên bản tại Công an xã N, anh T1 và ông C có ký tên tuy nhiên khi anh T1 đọc biên bản thì không ghi độ tuổi của cây trồng, nhưng biên bản anh đã tham gia và ký tên xác nhận nên đồng ý với biên bản của Công an xã N.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp quyết định: Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 587 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C: 1. Đình chỉ giải quyết yêu

cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn C đối với 5.000.000đ._2. Về nghĩa vụ bồi thường: Buộc ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Xuân T1 phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D 5.000.000đ, trong đó mỗi người phải bồi thường 2.500.000đ._3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp. Buộc ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Xuân T1 mỗi người phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C 1.000.000đ. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo.

5. Ngày 01-4-2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ số lượng cây bị chết, bị ảnh hưởng do lửa táp để xác định thiệt hại xảy ra đúng thực tế.

6. Tại phiên toà phúc thẩm, mặc dù ông C vắng mặt do bị ốm nhưng bà D (vợ ông C) có mặt và giữa bà D với ông T, anh T1 đã thống nhất thỏa thuận nội dung: Ông T và anh T1 bồi thường 2.000.000 đồng và trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (tổng 4.000.000 đồng) cho ông C và bà D; các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nội dung: Ông T và anh T1 bồi thường 2.000.000 đồng và trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (tổng 4.000.000 đồng) cho ông C và bà D; các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông C vắng mặt do bị ốm nhưng bà D (vợ ông C) có mặt và giữa bà D với ông T, anh T1 thống nhất thỏa thuận nội dung: Ông T và anh T1 bồi thường 2.000.000 đồng và trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng (tổng 4.000.000 đồng) cho ông C và bà D; các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Xuân T1 liên đới bồi thường 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* và trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D, cụ thể: Ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Xuân T1 mỗi người bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) và trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đối với các vấn đề khác thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số: 0002668 ngày 19-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đăk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương